Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 25.12.2019 08:21:06 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2773 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 24 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân loại ấp, khu phố thuộc các, thị trấn trên địa bàn huyện Dương Minh Châu năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 05/2006/TT-BNV ngày 30/5/2006 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều qui định tại Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 06/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định tiêu chí phân loại ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Dương Minh Châu tại Tờ trình số 311/TTr-UBND ngày 22/11/2019 về việc phân loại ấp, khu phố thuộc các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Dương Minh Châu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 707/TTr-SNV ngày 17../12../2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết quả phân loại ấp, khu phố thuộc các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Dương Minh Châu năm 2019 *(có Phụ lục kết quả phân loại ấp, khu phố kèm theo).*

Điều 2. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch UBND huyện và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Dương Minh Châu chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Vp. Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Nội vụ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, VP.ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH PHÂN LOẠI ẤP, KHU PHỐ CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 2775 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

Số TT	Tên đơn vị	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Hộ	Phân loại xã			Điểm				Tổng số điểm	Tự phân loại của UBND huyện	Kết quả thẩm định của UBND tỉnh
					Loại 1	Loại 2	Loại 3	Diện tích	Dân số	Hộ	Phân loại xã			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	**UBND xã Bàu Năng (06 ấp)**	**1801.67**	**19778**	**5566**	**X**									
1	Ấp Ninh Thuận	200.56	3673	1068				35	144	135	30	**344**	Loại 1	**Loại 1**
2	Ấp Ninh Hiệp	253.22	3445	951				41	136	123	30	**330**	Loại 1	**Loại 1**
3	Ấp Ninh An	48.59	3107	849				35	125	113	30	**303**	Loại 1	**Loại 1**
4	Ấp Ninh Bình	389.74	3319	956				56	132	124	30	**342**	Loại 1	**Loại 1**
5	Ấp Ninh Phú	178.94	5466	1527				35	200	181	30	**446**	Loại 1	**Loại 1**
6	Ấp Ninh Hòa	730.62	768	215				91	45	47	30	**213**	Loại 2	**Loại 2**
II	**UBND xã Cầu Khởi (04 ấp)**	**3300.5**	**9297**	**2617**	**X**									
7	Ấp Khởi Hà	1262.5	3175	942				100	127	122	30	**379**	Loại 1	**Loại 1**
8	Ấp Khởi Trung	581	3192	885				76	128	117	30	**351**	Loại 1	**Loại 1**
9	Ấp Khởi Nghĩa	771	2025	552				95	89	83	30	**297**	Loại 1	**Loại 1**
10	Ấp Khởi An	686	905	238				87	49	49	30	**215**	Loại 2	**Loại 2**
III	**UBND xã Phan (05 ấp)**	**2479.52**	**7267**	**2106**		**X**								
11	Ấp Phước Tân 1	444.37	1194	352				62	59	62	20	**203**	Loại 2	**Loại 2**

Số TT	Tên đơn vị	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Hộ	Phân loại xã			Điểm				Tổng số điểm	Tự phân loại của UBND huyện	Kết quả thẩm định của UBND tỉnh
					Loại 1	Loại 2	Loại 3	Diện tích	Dân số	Hộ	Phân loại xã			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	Ấp Phước Tân 2	856.37	1985	583				100	88	86	20	**294**	Loại 1	**Loại 1**
13	Ấp Phước Tân 3	386.76	1780	504				56	81	78	20	**235**	Loại 2	**Loại 2**
14	Ấp Phước Long 1	463.02	1387	416				64	67	69	20	**220**	Loại 2	**Loại 2**
15	Ấp Phước Long 2	329	921	251				49	49	51	20	**169**	Loại 3	**Loại 3**
IV	**UBND xã Bến Củi (04 ấp)**	**3417.2**	**5160**	**1570**		**X**								
16	Ấp 1	952.48	1533	452				100	72	73	20	**265**	Loại 2	**Loại 2**
17	Ấp 2	586.14	727	237				77	45	49	20	**191**	Loại 2	**Loại 2**
18	Ấp 3	1128.1	1783	560				100	81	84	20	**285**	Loại 1	**Loại 1**
19	Ấp 4	750.48	1117	321				93	57	58	20	**228**	Loại 2	**Loại 2**
V	**UBND xã Phước Minh (07 ấp)**	**5462.31**	**11163**	**3084**	**X**									
20	Ấp Phước Bình	649	1589	543				83	74	82	30	**269**	Loại 1	**Loại 1**
21	Ấp Phước Lộc	406	1897	570				58	85	85	30	**258**	Loại 2	**Loại 2**
22	Ấp B2	1888.31	1999	536				100	88	82	30	**300**	Loại 1	**Loại 1**
23	Ấp B4	1398	2884	704				100	117	98	30	**345**	Loại 1	**Loại 1**
24	Ấp Phước Lộc A	559	1047	256				74	54	51	30	**209**	Loại 2	**Loại 2**
25	Ấp Phước Lộc B	303	777	182				46	45	45	30	**166**	Loại 3	**Loại 3**
26	Ấp Phước Nghĩa	259	970	293				41	51	55	30	**177**	Loại 3	**Loại 3**
VI	**UBND xã Suối Đá (08 ấp)**	**12679**	**15287**	**4450**	**X**									
27	Ấp Tân Định 1	607	2563	775				79	107	106	30	**322**	Loại 1	**Loại 1**

Số TT	Tên đơn vị	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Hộ	Phân loại xã			Điểm				Tổng số điểm	Tự phân loại của UBND huyện	Kết quả thẩm định của UBND tỉnh
					Loại 1	Loại 2	Loại 3	Diện tích	Dân số	Hộ	Phân loại xã			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
28	Ấp Tân Định 2	354	1662	540				52	77	82	30	**241**	Loại 2	**Loại 2**
29	Ấp Phước Lợi 1	795	1103	314				98	56	58	30	**242**	Loại 2	**Loại 2**
30	Ấp Phước Lợi 2	8307	1418	405				100	68	68	30	**266**	Loại 2	**Loại 2**
31	Ấp Phước Bình 1	1201	1875	533				100	84	81	30	**295**	Loại 1	**Loại 1**
32	Ấp Phước Bình 2	355	1693	455				52	78	73	30	**233**	Loại 2	**Loại 2**
33	Ấp Phước Hội	534	2224	605				71	95	89	30	**285**	Loại 1	**Loại 1**
34	Ấp Phước Hòa	526	2749	823				71	113	110	30	**324**	Loại 1	**Loại 1**
VII	**UBND xã Phước Ninh (06 ấp)**	**4461.43**	**9284**	**2510**	**X**									
35	Ấp Phước Hội	627.9	1310	371				81	64	64	30	**239**	Loại 2	**Loại 2**
36	Ấp Phước Tân	734.91	1393	375				91	67	64	30	**252**	Loại 2	**Loại 2**
37	Ấp Phước An	779.81	1818	453				96	82	73	30	**281**	Loại 1	**Loại 1**
38	Ấp Phước Lễ	1197	1734	478				100	79	76	30	**285**	Loại 1	**Loại 1**
39	Ấp Phước Hiệp	766.81	1367	378				95	66	65	30	**256**	Loại 2	**Loại 2**
40	Ấp Bàu Dài	355	1662	455				52	77	73	30	**232**	Loại 2	**Loại 2**
VIII	**UBND xã Chà Là (04 ấp)**	**3235**	**11131**	**3226**	**X**									
41	Ấp Ninh Hưng 1	654	3587	1024				83	141	130	30	**384**	Loại 1	**Loại 1**
42	Ấp Ninh Hưng 2	563	1645	441				74	76	72	30	**252**	Loại 2	**Loại 2**
43	Ấp Bình Linh	750	3543	1105				93	139	139	30	**401**	Loại 1	**Loại 1**
44	Ấp Láng	1268	2356	656				100	100	94	30	**324**	Loại 1	**Loại 1**

Số TT	Tên đơn vị	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Hộ	Phân loại xã			Điểm				Tổng số điểm	Tự phân loại của UBND huyện	Kết quả thẩm định của UBND tỉnh
					Loại 1	Loại 2	Loại 3	Diện tích	Dân số	Hộ	Phân loại xã			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
IX	**UBND xã Lộc Ninh (04 ấp)**	**2365.9**	**7941**	**2208**		**X**								
45	Ấp Lộc Hiệp	220.7	1356	381				37	65	65	20	**187**	Loại 3	**Loại 3**
46	Ấp Lộc Thuận	832	2221	623				100	95	90	20	**305**	Loại 1	**Loại 1**
47	Ấp Lộc Tân	579.2	1707	478				76	78	76	20	**250**	Loại 2	**Loại 2**
48	Ấp Lộc Trung	734	2657	726				91	110	101	20	**322**	Loại 1	**Loại 1**
X	**UBND xã Truông Mít (05 ấp)**	**3859.55**	**16755**	**4821**	**X**									
49	Ấp Thuận An	471.21	4648	1283				65	176	156	30	**427**	Loại 1	**Loại 1**
50	Ấp Thuận Tân	1175.44	2887	773				100	118	105	30	**353**	Loại 1	**Loại 1**
51	Ấp Thuận Bình	1075.11	3770	1029				100	147	131	30	**408**	Loại 1	**Loại 1**
52	Ấp Thuận Hòa	663.64	4115	1372				84	159	165	30	**438**	Loại 1	**Loại 1**
53	Ấp Thuận Phước	474.15	1335	364				65	65	63	30	**223**	Loại 2	**Loại 2**
XI	**UBND Thị trấn DMC (04 khu phố)**	**496.5**	**6329**	**1886**		**X**								
54	Khu phố 1	107.2	1884	574				52	69	75	20	**216**	Loại 2	**Loại 2**
55	Khu phố 2	54.1	1124	323				35	48	48	20	**151**	Loại 3	**Loại 3**
56	Khu phố 3	75.5	832	254				41	45	45	20	**151**	Loại 3	**Loại 3**
57	Khu phố 4	259.7	2489	735				100	85	92	20	**297**	Loại 1	**Loại 1**

Tổng hợp: 57 ấp, khu phố trong đó:

Loại 1: **29**
Loại 2: **22**
Loại 3: **6**

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI ẤP, KHU PHỐ CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 2773 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

Số TT	Đơn vị	Tổng số ấp, khu phố	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1	UBND xã Bàu Năng	6	5	1		
2	UBND xã Cầu Khởi	4	3	1		
3	UBND xã Phan	5	1	3	1	
4	UBND xã Bến Củi	4	1	3		
5	UBND xã Phước Minh	7	3	2	2	
6	UBND xã Suối Đá	8	4	4		
7	UBND xã Phước Ninh	6	2	4		
8	UBND xã Chà Là	4	3	1		
9	UBND xã Lộc Ninh	4	2	1	1	
10	UBND xã Truông Mít	5	4	1		
11	UBND Thị trấn Dương Minh Châu	4	1	1	2	
Tổng số		**57**	**29**	**22**	**6**	